TÒA ÁN NHÂN DÂN
THÀNH PHỐ THỦ ĐỨC
THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Bản án số: 4750/2024/DS-ST
Ngày: 27-9-2024
V/v: Tranh chấp hợp đồng kinh tế.

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ THỦ ĐỨC - THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Lương Minh Hiếu

Các Hội thẩm nhân dân: 1. Ông Phạm Văn Tâm

2. Ông Mai Thanh Giàu

***- Thư ký phiên tòa*:** Bà Nguyễn Thị Nguyệt **-** Thư ký Tòa án nhân dân thành phố Thủ Đức - Thành phố Hồ Chí Minh

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân thành phố Thủ Đức - Thành phố Hồ Chí Minh tham gia phiên tòa: Bà Trương Thị Ngọc H - Kiểm sát viên.

Ngày 27 tháng 9 năm 2024, tại phòng xử B Tòa án nhân dân thành phố T, Thành phố Hồ Chí Minh xét xử sơ thẩm công khai vụ án kinh doanh thương mại thụ lý số 200/2024/TLST-KDTM ngày 21 tháng 5 năm 2024 về việc "Tranh chấp hợp đồng kinh tế" theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 6287/2024/QĐXXST-KDTM ngày 02 tháng 8 năm 2024 và Quyết định hoãn phiên tòa số 7420/2024/QĐST-KDTM ngày 30 tháng 8 năm 2024, giữa các đương sự:

Nguyên đơn: Công ty TNHH S (Việt Nam)

Trụ sở: Lô G4A-CN, Khu công nghiệp Mỹ Phước 2, phường Mỹ Phước, thị xã Bến Cát, tỉnh Bình Dương

Người đại diện theo ủy quyền: Bà Nguyễn Thị Thanh N

(Văn bản ủy quyền ngày 22/4/2024)

Bị đơn: Công ty TNHH T2

Trụ sở: 26/17 đường B, khu phố L, phường L, thành phố T, Thành Phố Hồ Chí Minh

Người đại diện theo pháp luật: Ông Lê Tuấn K

Địa chỉ: 2 đường B, khu phố L, phường L, thành phố T, Thành Phố Hồ Chí Minh

(*Người đại diện theo ủy quyền của nguyên đơn có mặt; bị đơn và người đại diện theo pháp luật của bị đơn vắng mặt).*

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện nộp ngày 26/4/2024 và trong quá trình giải quyết vụ án, người đại diện theo ủy quyền cho nguyên đơn bà Nguyễn Thị Thanh N trình bày:

Theo hợp đồng kinh tế số 137.2023SungShinA-DT ngày 30/3/2023 giữa Công ty TNHH S (Việt nam) và Công ty TNHH T2 có nội dung: Công ty TNHH S (Việt nam) có mua máy đo chỉ số chảy tự động MP1200M tổng giá trị máy là: 579.816.782 đồng của Công ty TNHH T2. Hiện tại, Công ty TNHH S) đã thanh toán cho Công ty TNHH T2 T tổng số tiền là 463.853.443 đồng cụ thể như sau:

Đợt 1: ngày 12/04/2023 chuyển khoản số tiền 289.908.402 đồng;

Đợt 2: ngày 03/11/2023 chuyển khoản số tiền 173.945.041 đồng.

Theo thỏa thuận, thời gian giao hàng 15-17 tuần làm việc kể từ sau khi nhận được tiền thanh toán đợt 1 (12/4/2023) nhưng cho đến nay Công ty TNHH T2 T không thực hiện đúng theo hợp đồng, cụ thể là không giao hàng cho Công ty TNHH S), Công ty TNHH S (Việt nam) đã liên lạc nhiều lần và Công Ty TNHH T2 cũng hứa trả lại tiền cho Công ty TNHH S (Việt nam), nhưng đến nay Công Ty TNHH T2 T vẫn không trả tiền và cũng không giao máy.

Hiện tại Công ty TNHH S) không thể liên lạc được với Công Ty TNHH T2.

Nay Công ty TNHH S (Việt nam) yêu cầu Tòa Án giải quyết, buộc Công ty TNHH T2 T trả lại số tiền 463.853.443 đồng cho Công ty TNHH S (Việt nam) và tiền lãi tính từ ngày trễ hạn giao hàng là 30/01/2024 đến ngày Tòa án xét xử theo mức lãi suất 9%/năm.

Bị đơn Công Ty TNHH T2 và người đại diện theo pháp luật của Công Ty TNHH T2 đã được Tòa án triệu tập hợp lệ nhưng vẫn vắng mặt không có lý do, không có ý kiến gì đối với yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn.

Tại phiên tòa hôm nay:

Người đại diện theo ủy quyền của nguyên đơn vẫn giữ nguyên yêu cầu khởi kiện là yêu cầu Công ty TNHH T2 T trả lại số tiền 463.853.443 đồng cho Công ty TNHH S (Việt nam) và tiền lãi tính từ ngày trễ hạn giao hàng là 30/01/2024 đến ngày 27/9/2024 theo mức lãi suất 9%/năm là 463.853.443 đồng x 9%/năm x 242 ngày = 27.678.707 đồng. Tổng cộng là 491.532.150 đồng, thực hiện làm một lần ngay khi bản án của Tòa án có hiệu lực pháp luật.

Bị đơn và người đại diện theo pháp luật của bị đơn vắng mặt không có lý do.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân thành phố Thủ Đức phát biểu ý kiến:

+ Về việc tuân theo pháp luật tố tụng trong quá trình giải quyết vụ án của Thẩm phán, Hội đồng xét xử đúng theo quy định của pháp luật.

+ Về việc chấp hành pháp luật của người tham gia tố tụng dân sự kể từ khi thụ lý vụ án cho đến trước thời điểm Hội đồng xét xử nghị án: các đương sự thực hiện quyền và nghĩa vụ của mình đúng quy định pháp luật, tuân theo nội quy phiên tòa. Đương sự, người đại diện ủy quyền có đầy đủ năng lực pháp luật và năng lực hành vi dân sự, văn bản ủy quyền đúng quy định pháp luật.

+ Về giải quyết nội dung vụ kiện: Đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn, buộc Công ty TNHH T2 T trả lại số tiền 463.853.443 đồng cho Công ty TNHH S (Việt Nam) và tiền lãi tính từ ngày trễ hạn giao hàng là 30/01/2024 đến ngày 27/9/2024 theo mức lãi suất 9%/năm là 463.853.443 đồng x 9%/năm x 242 ngày = 27.678.707 đồng. Tổng cộng là 491.532.150 đồng, thực hiện làm một lần ngay khi bản án của Tòa án có hiệu lực pháp luật.

Công ty TNHH T2 phải chịu án phí theo quy định pháp luật.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa, quan điểm của Đại diện Viện kiểm sát nhân dân thành phố T, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về quan hệ tranh chấp và thẩm quyền giải quyết vụ án: Nguyên đơn Công ty TNHH S) khởi kiện bị đơn Công ty TNHH T2 về việc tranh chấp hợp đồng kinh tế, trụ sở bị đơn ở phường L, thành phố T, Thành phố Hồ Chí Minh nên thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân thành phố Thủ Đức, T1 phồ Hồ Chí Minh theo khoản 1 Điều 30, điểm b khoản 1 Điều 35 và điểm a khoản 1 Điều 39 Bộ luật Tố tụng Dân sự.

[2] Về thủ tục tố tụng: Bị đơn Công ty TNHH T2 và người đại diện theo pháp luật của bị đơn ông Lê Tuấn K đã được Tòa án triệu tập hợp lệ lần thứ hai để tham gia phiên tòa nhưng vẫn vắng mặt không có lý do. Căn cứ điểm b khoản 2 Điều 227 của Bộ luật Tố tụng Dân sự, Tòa án tiến hành xét xử vắng mặt Công ty TNHH T2 và người đại diện theo pháp luật của bị đơn ông Lê Tuấn K.

[3] Về yêu cầu của nguyên đơn:

- Nguyên đơn yêu cầu buộc Công ty TNHH T2 T trả lại số tiền 463.853.443 đồng và tiền lãi tính từ ngày trễ hạn giao hàng là 30/01/2024 đến ngày 27/9/2024 theo mức lãi suất 9%/năm là 463.853.443 đồng x 9%/năm x 242 ngày = 27.678.707 đồng. Tổng cộng là 491.532.150 đồng, thực hiện làm một lần ngay khi bản án của Tòa án có hiệu lực pháp luật.

Xét, Hợp đồng kinh tế số 137.2023.SungShin A-DT ngày 30/3/2023 giữa Công ty TNHH S (Việt nam) và Công ty TNHH T2 có nội dung: hàng hóa cung cấp là Máy do chỉ số chảy tự động MP1200M, Model: MP1200M, hãng sản xuất: Tinius Olsen - USA; giá trị hợp đồng: 579.816.782 đồng; tiến độ và thời gian thực hiện: thời gian giao hàng 15-17 tuần làm việc (không tính ngày lễ, thứ 7, CN) kể từ khi ký hợp đồng và nhận được tiền thanh toán tạm ứng đầu tiên, nơi

giao hàng: trụ sở nhà máy bên mua; Thanh toán: Bên mua thanh toán 50% giá trị của hợp đồng ngay sau khi hai bên ký kết, 30% giá trị hợp đồng khi có thông báo kế hoạch giao hàng và 20% còn lại sau khi nghiệm thu bàn giao sử dụng 45 ngày; phương thức thanh toán: chuyển khoản qua ngân hàng.

Thực hiện hợp đồng Công ty TNHH S (Việt Nam) đã thanh toán cho Công ty TNHH T2 T tổng số tiền là 463.853.443 đồng (tương đương 80% giá trị hợp đồng) cụ thể như sau:

Đợt 1: ngày 12/04/2023 chuyển khoản số tiền 289.908.402 đồng;

Đợt 2: ngày 03/11/2023 chuyển khoản số tiền 173.945.041 đồng.

Hội đồng xét xử nhận thấy: Quan hệ mua bán Máy do chỉ số chảy tự động MP1200M, Model: MP1200M giữa Công ty TNHH S (Việt Nam) và Công ty TNHH T2 Định T là có thật và hợp pháp.

Đồng thời, trong quá trình giải quyết vụ án Công ty TNHH T2 T cũng không có ý kiến gì về yêu cầu khởi kiện của Công ty TNHH S (Việt Nam).

Xét Công ty TNHH S (Việt Nam) đã thanh toán 80% giá trị hợp đồng kinh tế số 137.2023.SungShin A-DT ngày 30/3/2023 (theo Giấy báo nợ ngày 12/4/2023, Sổ phụ tài khoản từ ngày 01/4/2023 đến ngày 30/4/2023 và Chi tiết giao dịch thanh toán) nhưng Công ty TNHH T2 T không thực hiện việc giao máy đo chỉ số chảy tự động MP1200M, Model: MP1200M là đã vi phạm thỏa thuận trong hợp đồng. Do đó, Công ty TNHH S (Việt Nam) yêu cầu Công ty TNHH T2 T trả lại số tiền đã thanh toán là 463.853.443 đồng là có cơ sở để Hội đồng xét xử chấp nhận.

Án lệ số 09/2016/AL được Hội đồng Thẩm phán Tòa án nhân dân tối cao thông qua ngày 17 tháng 10 năm 2016; Thông báo công bố về lãi suất cho vay Việt Nam Đồng áp dụng đối với pháp nhân vay sản xuất kinh doanh thông thường của khoản vay trung - dài hạn đang được Ngân hàng N1; Ngân hàng Thương mại Cổ phần C và Ngân hàng Thương mại Cổ phần N2 áp dụng thì đủ cơ sở để xác định, lãi suất nợ quá hạn trung bình trên thị trường tại thời điểm xét xử (ngày 27/9/2024) là: (9,3%/năm + 12,5%/năm + 9,5%/năm) : 3 x 150% = 15,65%/năm.

Tại phiên tòa, người đại diện theo ủy quyền của nguyên đơn Công ty TNHH S (Việt Nam) xác định chỉ yêu cầu tính lãi theo mức lãi suất 9%/năm, đây là sự tự nguyện của nguyên đơn, có lợi cho phía bị đơn và phù hợp với quy định của pháp luật nên Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu của nguyên đơn, Công ty TNHH T2 có trách nhiệm thanh toán cho Công ty TNHH S (Việt Nam) số tiền lãi tính từ ngày 30/01/2024 đến ngày 27/9/2024 của số tiền 463.853.443 đồng x 9%/năm x 242 ngày = 27.678.707 đồng.

Xét quan điểm của Đại diện Viện kiểm sát là phù hợp với quan điểm của Hội đồng xét xử nên ghi nhận.

[3] Về án phí: Do yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn được chấp nhận nên Công ty TNHH T2 phải chịu án phí dân sự sơ thẩm là: 23.661.286 đồng.

H1 lại cho nguyên đơn số tiền tạm ứng án phí đã nộp.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào Điều 5; khoản 1 Điều 30; điểm b khoản 1 Điều 35; điểm a khoản 1 Điều 39; khoản 1 Điều 147; Điều 227; Điều 271; khoản 1 Điều 273; Điều 280 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015;

Căn cứ Điều 24, Điều 34, Điều 37 và Điều 306 của Luật Thương mại;

Căn cứ Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ quốc hội.

Tuyên xử:

1. Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn Công ty TNHH S (Việt Nam) đối với bị đơn Công ty TNHH T2.

Buộc Công ty TNHH T2 trả lại cho Công ty TNHH S (Việt Nam) số tiền 463.853.443 (bốn trăm sáu mươi ba triệu tám trăm năm mươi ba ngàn bốn trăm bốn mươi ba) đồng theo Hợp đồng kinh tế số 137.2023.SungShin A-DT ngày 30/3/2023 và tiền lãi tính từ ngày 30/01/2024 đến ngày 27/9/2024 theo mức lãi suất 9%/năm là 27.678.707 (hai mươi bảy triệu sáu trăm bảy mươi tám ngàn một trăm năm mươi) đồng. Tổng cộng là 491.532.150 (bốn trăm chín mươi mốt triệu năm trăm ba hai ngàn một trăm năm mươi) đồng.

Phương thức và thời hạn thanh toán: Thanh toán một lần ngay khi bản án có hiệu lực pháp luật tại Cơ quan Thi hánh án dân sự có thẩm quyền.

Kể từ ngày có đơn yêu cầu thi hành án của người được thi hành án cho đến khi thi hành án xong tất cả các khoản tiền, hàng tháng bên phải thi hành án còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi suất quy định tại Điều 306 của Luật Thương mại.

2. Án phí kinh doanh thương mại sơ thẩm: Công ty TNHH T2 phải chịu án phí kinh doanh thương mại sơ thẩm là 23.661.286 (hai mươi ba triệu sáu trăm sáu mươi mốt ngàn hai trăm tám mươi sáu) đồng, nộp tại Chi cục Thi hành án dân sự thành phố Thủ Đức, Thành phố Hồ Chí Minh.

H1 lại cho Công ty TNHH S (Việt nam) số tiền 11.277.069 (mười một triệu hai trăm bảy mươi bảy ngàn không trăm sáu mươi chín) đồng là tiền tạm ứng án phí Công ty TNHH S (Việt nam) đã nộp theo Biên lai thu tiền tạm ứng án phí, lệ phí Tòa án số 0026871 ngày 15/5/2024 của Chi cục Thi hành án dân sự thành phố Thủ Đức, Thành phố Hồ Chí Minh.

3. Đương sự được quyền kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án. Trường hợp vắng mặt, thời hạn kháng cáo tính từ ngày nhận được bản án hoặc kể từ ngày bản án được niêm yết.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án

dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

Nơi nhận:
- TANDTP. HCM;
- VKSND TP. HCM;
- VKSND TP. Thủ Đức;
- Chi cục THADS TP. Thủ Đức;
- Các đương sự
- Lưu hồ sơ vụ án.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa

Lương Minh Hiếu

7